TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:08/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 4 - 2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tú;

2. Ông Nguyễn Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bảo Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:33/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:26/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1965, vắng mặt;

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường L, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ngô Văn S, sinh năm 1965, vắng mặt;

Địa chỉ cư trú: Khóm B, phường T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phạm Thị Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1995, bà Phạm Thị Thanh T và ông Ngô Văn S có tổ chức đám cưới, chung sống với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau đám cưới bà T và ông S chung sống rất hạnh phúc và có với nhau 02 người con chung tên là Ngô Thị Y, sinh năm 1996 và Ngô Trung H, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2005.

Thời gian gần đây, ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hạnh phúc gia đình bị rạn nứt, dù đã cố gắng, tạo cơ hội cho nhau rất nhiều lần, nhưng vẫn không hạnh phúc được và đã ly thân hơn 03 tháng nay.

Nay bà Phạm Thị Thanh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị xin ly hôn với ông S.

Về nuôi con chung: Bà Phạm Thị Thanh T và ông Ngô Văn S tự nguyện thỏa thuận: Bà Phạm Thị Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng 01 người con chung tên là Ngô Trung H, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2005 (H có nguyện vọng và sống chung với bà T).

Về cấp dưỡng cho con: Bà Phạm Thị Thanh T không yêu cầu ông Ngô Văn S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Bà Phạm Thị Thanh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Ngô Văn S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản khai đề ngày 22 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Ngô Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Ông thừa nhận về thời gian chung sống vợ chồng, ông bà không có đăng ký kết hôn là đúng. Thời gian gần đây, ông bà phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, gia đình không hạnh phúc và đã ly thân hơn 03 tháng.

Ông và bà T đã nhiều lần gặp mặt để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nay bà T xin ly hôn, ông S thống nhất ly hôn với bà T.

Về nuôi con chung: bà Phạm Thị Thanh T và ông Ngô Văn S tự nguyện thỏa thuận: Bà Phạm Thị Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng 01 người con chung tên là Ngô Trung H, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2005 (H có nguyện vọng và sống chung với bà T).

Về cấp dưỡng cho con: Ông Ngô Văn S không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bà Phạm Thị Thanh T và ông Ngô Văn S đều khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Ngô Văn S được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã N thụ lý, giải quyết là đúng thẩm

quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Phạm Thị Thanh T và ông Ngô Văn S đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] *Về hôn nhân:* Từ năm 1995 cho đến nay, bà Phạm Thị Thanh T và ông Ngô Văn S chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng được quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

[5] Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Thanh T với ông Ngô Văn S.

[6] *Về nuôi con chung:* Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; bà Phạm Thị Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng 01 người con chung tên là Ngô Trung H, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2005 (H có nguyện vọng và sống chung với bà T) phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] *Về cấp dưỡng:* Bà Phạm Thị Thanh T không yêu cầu ông Ngô Văn S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Bà Phạm Thị Thanh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Ngô Văn S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[9] *Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[11] *Về án phí:* Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn". Vậy, bà Phạm Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng; ông Ngô Văn S không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Thanh T với ông Ngô Văn S.

Về nuôi con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; bà Phạm Thị Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng 01 người con chung tên là Ngô Trung H, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2005.

(Cháu Ngô Trung H, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2005 đang sống chung với bà Phạm Thị Thanh T).

Về cấp dưỡng: Bà Phạm Thị Thanh T không yêu cầu ông Ngô Văn S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bà Phạm Thị Thanh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Ngô Văn S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số:02541 ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Đồng Tháp; bà Phạm Thị Thanh T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

- Ông Ngô Văn S không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 12 tháng 4 năm 2018), nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thành Trung